TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 93 /2020/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 29 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc HNGĐ thụ lý số 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Ngô Văn B- Sinh năm: 1985. Trú tại:Tổ M, phường An Hải B, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng.

Bà Nguyễn Thị Cẩm V- Sinh năm: 1989. Trú tại:Tổ M, phường An Hải B, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đơn yêu cầu của ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm V nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm V kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 135/2011, tại UBND phường An Hải B, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/07/2011. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Ngô Văn B trình bày ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Thị Cẩm V có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND phường An Hải B, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm, không hiểu nhau nên hay cãi vã, không ai quan tâm chăm sóc cho ai

trong cuộc sống. Nay về tình cảm chúng tôi xác định không còn yêu thương nhau nữa, nên chúng tôi quyết đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho chúng tôi.

- Về nuôi con chung: Tôi và bà Nguyễn Thị Cẩm V xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Ngô Nhật H, sinh ngày 08.12.2010 và Ngô Bảo A, sinh ngày 10.10. 2016. Tôi và bà Vthỏa thuận, thống nhất giao con chung Ngô Nhật H cho tôi được trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Ngô Bảo A cho bà Vtrực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và bà Vkhông có nợ chung.

* Ý kiến của bà Nguyễn Thị Cẩm V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Ngô Văn B có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND phường An Hải B, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm, không hiểu nhau nên hay cãi vã, không ai quan tâm chăm sóc cho ai trong cuộc sống. Nay về tình cảm chúng tôi xác định không còn yêu thương nhau nữa, nên chúng tôi quyết đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho chúng tôi.

- Về nuôi con chung: Tôi và ông Ngô Văn B xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Ngô Nhật H, sinh ngày 08.12.2010 và Ngô Bảo A, sinh ngày 10.10. 2016. Ly Hôn tôi và ông B thỏa thuận, thống nhất giao con chung Ngô Nhật H cho ông B được trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Ngô Bảo A cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và ông B không có nợ chung.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm V thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông B và bà V lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông B và bà V đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông B và bà V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông B và bà V là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm V xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Ngô Nhật H, sinh ngày 08.12.2010 và Ngô Bảo A, sinh ngày 10.10. 2016. Ly Hôn ông B và bà V thỏa thuận, thống nhất giao con chung Ngô Nhật H cho ông B được trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Ngô Bảo A cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[5] Về nợ chung: Ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm V xác định không có nợ chung.

[6] Về tài sản chung: Ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm V xác định không có tài sản chung.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm V thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm V đã nộp theo biên lai thu 0006050 ngày 15/ 5 /2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm V(*Giấy chứng nhận kết hôn số 135/2011, tại UBND phường An Hải B, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/07/2011không còn giá trị pháp lý).*

- Về nuôi con chung: Ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm V xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Ngô Nhật H, sinh ngày 08.12.2010 và Ngô Bảo A, sinh ngày 10.10. 2016. Ly Hôn ông B và bà V thỏa thuận, thống nhất giao con chung Ngô Nhật H cho ông B được trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Ngô Bảo A cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về quan hệ nợ chung: Ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm V xác định không có nợ chung.

- Về tài sản chung: Ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm V xác định không có tài sản chung.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm V thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị Cẩm V đã

nộp theo biên lai thu 0006050 ngày 15/ 5 /2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND phường An Hải B;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG